

Bản án số: 07/2018/HNGĐ – ST
Ngày 29 - 3 - 2018
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH XUYỀN, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Trọng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trương Thị Hương Nghĩa.

Ông Nguyễn Đức Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Tuấn Mạnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bình Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bình Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 242/2017/TLST – HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2017 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2018/QĐST- HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị N, sinh năm 1991.

Cư trú tại: Thôn V, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, “có mặt”.

- Bị đơn: Anh Trương Văn Đ, sinh năm 1987.

Cư trú tại: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 9 năm 2017 và những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Chị và anh Đ kết hôn với nhau ngày 23 tháng 7 năm 2009, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B. Trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, tự nguyện không bị ép buộc. Sau khi kết hôn thì chị và anh Đ về chung sống tại gia đình anh Đ ở thôn T, xã T, huyện B. Cuộc sống vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc nhưng sau đó đã xảy ra rất nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm. Nguyên nhân là do anh Đ bị nghiện ma túy mặc dù chị và gia đình đã có lần đưa anh đi cai

nghiện tuy nhiên sau đó anh Đ không thay đổi được. Đến năm 2015 thì chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn V, xã T để sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có 02 con chung gồm: Cháu Trương Thị Anh T, sinh ngày 25 tháng 6 năm 2010 và cháu Trương Ngọc H, sinh ngày 06 tháng 3 năm 2012; ly hôn trước đây chị có nguyện vọng xin được nuôi cả hai cháu T và cháu H, đến nay chị xin thay đổi quan điểm, chị xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H, để anh Đ được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung, hiện nay chị đang làm công nhân của công ty Cammsys thuộc khu Công nghiệp Bá Thiện, huyện B có thu nhập trung bình hàng tháng là 8.000.000 đồng đủ điều kiện nuôi cháu H.

Về tài sản chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn Đ trình bày như sau: Về thời gian kết hôn, quá trình chung sống và mâu thuẫn như chị N trình bày là đúng. Nhưng theo anh nguyên nhân mâu thuẫn chính là do khoảng 02 năm trở lại đây chị N đã thay đổi tính cách, sau khi anh đi chấp hành án phạt tù về chị N không còn quan tâm, yêu thương anh như trước. Kể từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, lúc tức giận anh có đánh chị. Anh và chị N đã sống ly thân với nhau từ năm 2015 đến nay, hai bên gia đình đã nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, vì vậy chị N làm đơn xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như chị N trình bày, ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T; chị N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về kiểm sát tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự:

Về việc tuân theo pháp luật Tổ tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định; người tham gia tố tụng chị N đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự, anh Đ là bị đơn đã lên Tòa án trình bày quan điểm nhưng sau đó nhiều lần Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh Đ không lên Tòa làm việc do đó anh Đ tự chịu trách nhiệm.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Phạm Thị N được ly hôn với anh Trương Văn Đ; về con chung giao cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H; giao cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung; về chia tài sản các đương sự

không yêu cầu nên không xem xét. Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Phạm Thị N khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh Trương Văn Đ, do đó đây là vụ án xin ly hôn. Bị đơn anh Đ hiện có hộ khẩu và cư trú tại thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, theo qui định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B. Đối với anh Đ quá trình chuẩn bị xét xử Tòa án triệu anh Đ đã lên Tòa án trình bày quan điểm, nhưng sau đó Tòa án triệu tập nhiều lần đều vắng mặt nên thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án chỉ tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử anh Đ đã được Tòa án triệu tập họp lệ 2 lần nhưng đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Hôn nhân giữa chị N và anh Đ là tự nguyện, hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Xem xét hôn nhân giữa chị N và anh Đ thấy rằng cuộc sống chung vợ chồng giữa chị N và anh Đ có rất nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân như chị N trình bày anh Đ bị nghiện ma túy, đã từng vi phạm pháp luật và phải đi chấp hành án phạt tù tuy nhiên anh Đ không lấy đó là bài học để thay đổi. Khoảng năm 2015 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, anh Đ đánh chị, sau đó chị về nhà bố mẹ để ở vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Chị và anh Đ đã hòa giải, gia đình hai bên đã động viên nhưng không có kết quả, vợ chồng không đoàn tụ được.

Như vậy, có thể thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh Đ đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, quá trình làm việc tại Tòa án chị N và anh Đ đều đã có quan điểm thống nhất ly hôn, nên việc chị N xin ly hôn là chính đáng, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình do đó cần được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị N và anh Đ có hai con chung là cháu Trương Thị Anh T, sinh ngày 25 tháng 6 năm 2010 và cháu Trương Ngọc H, sinh ngày 06 tháng 3 năm 2012; hiện nay hai cháu đang ở với anh Đ. Quá trình giải quyết vụ án chị N và anh Đ đều đã có quan điểm ly hôn để chị N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H; để anh Đ được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T không ai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Chị N và anh Đ đều có đủ điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con và nguyện vọng nuôi con của các bên là phù hợp được chấp nhận.

[4] Về tài sản: Chị N và anh Đ không đề nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn, nếu có tài sản và các đương sự có đề nghị thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị N phải chịu theo qui định pháp luật.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Phạm Thị N được ly hôn với anh Trương Văn Đ.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Trương Ngọc H, sinh ngày 06 tháng 3 năm 2012 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Trương Thị Anh T, sinh ngày 25 tháng 6 năm 2010 cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Chị N và anh Đ không ai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số: AA/2016/0002377 ngày 18 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành dân sự huyện Bình Xuyên.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Bình Xuyên;
- UBND xã Trung Mỹ;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Xuân Trọng